

ANALYTICAL REPORT

Sample Code :	743-2023-00166450	
Analytical Report :	AR-24-VD-001608-01-EN / EUVNHC-00247562	

BIEN HOA CONSUMER JOINT STOCK COMPANY
Bien Hoa Industrial Zone 1, An Binh Ward, Bien Hoa City
Dong Nai Province, VIETNAM

Sample described as:	Organic Cane Sugar
Conditioning:	The sample is kept in plastic bag
Sample reception date:	21/12/2023
Analysis Time :	22/12/2023 - 04/01/2024
Client due date :	04/01/2024
Your purchase order reference:	NA9J2312202456



NO.	PARAMETERS	UNIT	TEST METHOD	RESULTS
1	VD630 VD Appearance		EVN-R-RD-2-TP-3552	(1)
2	VD630 VD Color		EVN-R-RD-2-TP-3552	(2)
3	VD630 VD Odor		EVN-R-RD-2-TP-3552	Odor specific of product, no strange odor.
4	VD630 VD Taste		EVN-R-RD-2-TP-3552	Sweet taste specific of product, no strange taste.
5	VD129 VD (a) Carbohydrates content	g/ 100 g	FAO Food and Nutrition paper 77 Chapter 2/section 2.3:2003	99.9
6	VD543 VD Energy value (kcal)	kcal/ 100 g	FAO 2003 77	400
7	VDSAC VD (a) Sacharose content	%	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Ref. AOAC 977.20)	99.8
8	VD210 VD (a) Moisture	%	EVN-R-RD-2-TP-3496 (Ref. FAO Food 14/7-1986)	0.03
9	VD290 VD (a) Sulphur dioxide content (SO ₂)	mg/ kg	AOAC 990.28	Not detected (LOD=3)
10	VD855 VD (a) Cadmium content (Cd)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Not detected (LOD=0.01)
11	VD861 VD (a) Lead content (Pb)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Not detected (LOD=0.017)
12	VD856 VD (a) Arsenic content (As)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Not detected (LOD=0.01)
13	VD857 VD (a) Mercury content (Hg)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Not detected (LOD=0.007)
14	VD340 VD (a) Coliforms	cfu/ g	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)	Not detected (LOD=10)
15	VD368 VD (a) Salmonella spp.	/25 g	TCVN 10780-1:2017 (ISO 6579-1:2017)	Not Detected

ANALYTICAL REPORT

NO.	PARAMETERS		UNIT	TEST METHOD	RESULTS
16	VD354	VD (a) <i>Escherichia coli</i>	MPN/ g	TCVN 7924-3:2017 (ISO 16649-3:2015)	Not detected (LOD=0)
17	VD36T	EXT Total mesophilic bacterial count	cfu/ 10 g	GS 2/3 - 41 (2011)- ICUMSA 2017	1.4x10 ¹
18	VD36T	EXT Total yeasts	cfu/ 10 g	GS 2/3 - 47 (2015)- ICUMSA 2017	<1
19	VD36T	EXT Total moulds	cfu/ 10 g	GS 2/3 - 47 (2015)- ICUMSA 2017	<1
20	VD373	VD (a) <i>Staphylococcus aureus</i>	cfu/ g	AOAC 975.55	Not detected (LOD=10)
21	VDA04	VD (a) Qualitative GMO: CAMV 35S promoter (35S) (LOD=0.01%)		EVN-R-RD-3-TP-3892 (2019) (Ref. GMOScreen RT 35S/NOS/ABII IPC test kit)	Negative
22	VDA04	VD (a) Qualitative GMO: Terminator NOS (NOS) (LOD=0.01%)		EVN-R-RD-3-TP-3892 (2019) (Ref. GMOScreen RT 35S/NOS/ABII IPC test kit)	Negative
23	VDA04	VD (a) Qualitative GMO: Agroborder II (AB II) (LOD=0.01%)		EVN-R-RD-3-TP-3892 (2019) (Ref. GMOScreen RT 35S/NOS/ABII IPC test kit)	Negative

(1) The crystals are relatively uniform, dry, and not lumpy.
 (2) Sugar crystals have a yellow to dark yellow color typical of the product.
 (*) According to the test method, the result is expressed as less than 1 cfu/ 10 g when the dish contains no colony.
 LOD: Limit Of Detection.

SIGNATURE



Nguyễn Anh Vũ
Business Unit Manager for



Lý Hoàng Hải
Managing Director

Report electronically validated by Nguyễn Anh Vũ 26/01/2024, and electronically approved by Lý Hoàng Hải 26/01/2024.

EXPLANATORY NOTE

Test results are only valid on the tested sample provided by client. The sample and client information are written as client's request.
 This report shall not be reproduced in parts or referred to Eurofins SHKD in advertising, promotional activities or activities that may cause conflicts of interest.
 Samples are normally kept for 7 days after issuing the test report (sample retention does not apply to microbiological and perishable samples). The sample retention may be longer depending on the contract agreed with the client or requirement of authorities.
 Once the sample retention time expires, Eurofins SKHD is not responsible for client complaints about test results.
 This result report is issued based on the agreed requirements between eurofins skhd and client; and, in accordance with "general terms and conditions of service", published at www.eurofins.vn/en/eurofins-network-in-vietnam/eurofins-sac-ky-hai-dang/general-terms-conditions-of-services-supply/.
 Any unauthorized copy, alteration, forgery or falsification of content or appearance of this document is illegal and violators may be prosecuted to the law.
 All test methods begin with characters EVN; A39; N79; EHC are internal methods developed by Eurofins Sac Ky Hai Dang.
 "VD": These tests were performed in laboratory Eurofins Sac Ky Hai Dang (Ho Chi Minh). The symbol (a) identifies the tests performed by this laboratory under accreditation ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.
 "EXT": The tests were performed in a subcontracting laboratory that is not in Eurofins group.

EUROFINS SAC KY HAI DANG COMPANY LIMITED

[1] HCMC laboratory: Lot E2b-3, Street D6, Sai Gon High-Tech Park, Thu Duc City, HCMC.

[2] Can Tho branch: KVIP, Tra Noc 2 IP, O Mon District, Can Tho City.

Web: www.eurofins.vn

Document number: EVN-P-AR-F03559

[3] Hanoi branch: 4F, B Building, 103 Van Phuc, Ha Dong District, Ha Noi.

Phone: (84.28) 7107 7879

Version: 10

Email: VN01_ASM_HCMC@eurofinsasia.com

Effective date: 24/05/2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu :	743-2023-00166450	
Mã số kết quả :	AR-24-VD-001608-01-VI / EUVNHC-00247562	

Công ty Cổ Phần Hàng Tiêu Dùng Biên Hòa
Khu Công Nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa
tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Tên mẫu :	Đường Organic
Tình trạng mẫu :	Mẫu đựng trong túi nhựa
Ngày nhận mẫu :	21/12/2023
Thời gian thử nghiệm :	22/12/2023 - 04/01/2024
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng :	04/01/2024
Mã số PO của khách hàng :	NA9J2312202456

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD630 VD Trạng thái		EVN-R-RD-2-TP-3552	(1)
2	VD630 VD Màu sắc		EVN-R-RD-2-TP-3552	(2)
3	VD630 VD Mùi		EVN-R-RD-2-TP-3552	Mùi đặc trưng của sản phẩm, không có mùi lạ.
4	VD630 VD Vị		EVN-R-RD-2-TP-3552	Vị ngọt đặc trưng của sản phẩm, không có vị lạ.
5	VD129 VD (a) Hàm lượng Carbohydrates	g/ 100 g	FAO Food and Nutrition paper 77 Chapter 2/section 2.3:2003	99.9
6	VD543 VD Năng lượng	kcal/ 100 g	FAO 2003 77	400
7	VDSAC VD (a) Hàm lượng Sacharose	%	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Ref. AOAC 977.20)	99.8
8	VD210 VD (a) Độ ẩm	%	EVN-R-RD-2-TP-3496 (Ref. FAO Food 14/7-1986)	0.03
9	VD290 VD (a) Hàm lượng Sulfur dioxide (SO ₂)	mg/ kg	AOAC 990.28	Không phát hiện (LOD=3)
10	VD855 VD (a) Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.01)
11	VD861 VD (a) Hàm lượng Chì (Pb)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.017)
12	VD856 VD (a) Hàm lượng Asen (As)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.01)
13	VD857 VD (a) Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.007)
14	VD340 VD (a) Coliforms	cfu/ g	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)	Không phát hiện (LOD=10)
15	VD354 VD (a) Escherichia coli	MPN/ g	TCVN 7924-3:2017 (ISO 16649-3:2015)	Không phát hiện (LOD=0)
16	VD36T EXT Tổng số vi khuẩn hiếu khí	cfu/ 10 g	GS 2/3 - 41 (2011)- ICUMSA 2017	1.4x10 ⁴

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
17	VD36T EXT Tổng số nấm men	cfu/ 10 g	GS 2/3 - 47 (2015)- ICUMSA 2017	<1 (*)
18	VD36T EXT Tổng số nấm mốc	cfu/ 10 g	GS 2/3 - 47 (2015)- ICUMSA 2017	<1 (*)
19	VD368 VD (a) <i>Salmonella spp.</i>	/25 g	TCVN 10780-1:2017 (ISO 6579-1:2017)	Không phát hiện
20	VD373 VD (a) <i>Staphylococcus aureus</i>	cfu/ g	AOAC 975.55	Không phát hiện (LOD=10)
21	VDA04 VD (a) <i>Định tính GMO: CAMV 35S promoter (35S) (LOD=0.01%)</i>		EVN-R-RD-3-TP-3892 (2019) (Ref. GMOScreen RT 35S/NOS/ABII IPC test kit)	Âm tính
22	VDA04 VD (a) <i>Định tính GMO: Terminator NOS (INOS) (LOD=0.01%)</i>		EVN-R-RD-3-TP-3892 (2019) (Ref. GMOScreen RT 35S/NOS/ABII IPC test kit)	Âm tính
23	VDA04 VD (a) <i>Định tính GMO: Agrobacter II (AB II) (LOD=0.01%)</i>		EVN-R-RD-3-TP-3892 (2019) (Ref. GMOScreen RT 35S/NOS/ABII IPC test kit)	Âm tính

(1) Dạng tinh thể tương đối đồng đều, tơi khô, không vón cục.

(2) Tinh thể đường có màu vàng đến vàng sậm đặc trưng của sản phẩm.

(*) Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 1 cfu/ 10 g khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa.

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Ký tên



Nguyễn Anh Vũ
Giám Đốc mảng Kiểm Nghiệm Thực Phẩm



Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 26/01/2024, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 26/01/2024.

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng cung cấp. Thông tin mẫu và thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến Eurofins SKHD trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu để hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Eurofins SKHD không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Eurofins SKHD và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải tại www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sac-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sac Ky Hai Dang xây dựng.

"VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sac Ky Hai Dang.(a) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo

ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.

"EXT": Các phép thử này được thực hiện bởi các nhà thầu phụ không thuộc hệ thống Eurofins.